

# NGHIÊN CỨU NẤU MỘT SỐ LOẠI CAO THẢO DƯỢC: CÂY NỞ NGÀY ĐẤT, LÁ LỐT, LÁ VỐI DÙNG ĐỂ ĐIỀU TRỊ BỆNH GOUT TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH

PGS. TS. NGUYỄN ĐỨC VƯỢNG; THS. PHẠM NAM GIANG

Trường Đại học Quảng Bình

LÊ THỊ NHẬT LINH; NGUYỄN THỊ THU

Sinh viên ĐHSPT Hóa K55 - Trường Đại học Quảng Bình

## 1. Giới thiệu

Gout từ xa xưa đã được công nhận là một loại bệnh: xác định bởi người Ai Cập hơn 4.650 năm trước đây và sau này được ghi nhận bởi Hippocarates và Plato [1], [2]. Gout là một trong những bệnh viêm khớp phổ biến nhất và là một bệnh lý rối loạn chuyển hóa purin làm tăng axit uric máu dẫn đến ứ đọng tinh thể muối urat tại khớp gây viêm khớp [3], [4]. Bệnh Gout liên quan đến nhiều yếu tố như: Di truyền, tuổi tác, giới tính, chế độ ăn uống, sự tăng axit uric, rượu, các bệnh lý đi kèm, chỉ số khối của cơ thể, chế độ thể dục thể chất [3], [5-10]. Phương pháp Tây y được sử dụng nhiều để trị bệnh Gout. Nhưng các bài thuốc Đông y có nguồn gốc từ thảo dược tự nhiên, không gây tác dụng phụ [11-13] có thể sử dụng lâu dài.

Việt Nam nói chung, tỉnh Quảng Bình nói riêng được thiên nhiên ưu đãi điều kiện khí hậu thời tiết và thổ nhưỡng thích hợp cho việc trồng và phát triển một số loại thảo dược như: Cây nở ngày đất (*Gomphrena celosioides*), cây lá lốt (*Piper lolot*), cây vối (*Cleistocalyx operculatus*). Ngoài công dụng điều trị Gout hiệu quả thì các loại thảo dược này còn có rất nhiều công dụng đối với sức khỏe của con người.

Cây nở ngày đất là một loại cây mọc hoang dại, mọc thành bụi ở những bãi đất trống. Nước chiết xuất từ lá của cây nở ngày đất có tác dụng chống viêm và giảm đau [14].

Cây lá lốt là một loại rau quen thuộc và được dùng phổ biến trong các bữa ăn. Lá lốt thường được sử dụng ăn sống như các loại rau thơm hoặc làm rau gia vị khi nấu canh. Ngoài ra, lá lốt còn là vị thuốc chữa nhiều bệnh như: bệnh thấp khớp, tiêu chảy [15].

Cây vối thuộc họ sim (*Myrtaceae*), là loại cây mọc nhiều ở nhiệt đới, nước chiết xuất từ các bộ phận của cây vối có tác dụng chữa bệnh tiểu đường [16], chống viêm [17].

Việc bảo quản và sử dụng các loại thảo dược còn hạn chế, do đó chất lượng giảm đi đáng kể, ảnh hưởng tới sức khỏe và lợi ích của mọi người. Bài viết này sẽ tìm hiểu, nghiên cứu và đề xuất quy trình nấu cao từ một số loại thảo dược: cây nở ngày đất, cây lá lốt, cây lá vối với mục đích chính là hỗ trợ và điều trị bệnh Gout. Từ đó rút ra được những điểm thuận lợi và không thuận lợi để rút kinh nghiệm, phát triển những sản phẩm mới mang lại giá trị cao hơn đối với sức khỏe con người.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Chuẩn bị nguyên liệu

Các loại thảo dược sau khi thu hoạch bao gồm: Cây nở ngày đất (hình 1), cây lá lốt (hình 2), cây lá vối (hình 3). Sau đó loại bỏ những phần đã bị khô héo.

### 2.2. Quy trình nấu cao thảo dược

Tất cả các sản phẩm được làm bằng thủ công.

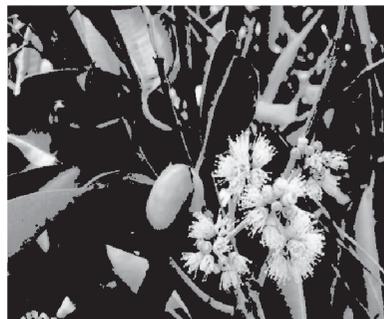
a. Giai đoạn 1: Chọn lọc, xử lý.



Hình 1: Cây nở ngày đất



Hình 2: Cây lá lốt



Hình 3: Cây lá với

Thảo dược sau khi đã thu hoạch đem rửa sạch, loại bỏ lá héo, khô.

**b. Giai đoạn 2: Lấy chất dịch chiết**

Cho thảo dược và nước vào nồi đun với tỉ lệ 1kg nguyên liệu và 4 lít nước vì nếu dùng quá nhiều nước thì thời gian cô cạn phải kéo dài, sức nóng và không khí làm hỏng cao. Thời gian đun cũng tùy vào nguyên liệu lựa chọn, cứ 2kg nguyên liệu đun trong vòng 3-4 giờ cho một lần nấu.

Sau khi đun lần thứ nhất, để nguội, dùng mảnh vải mỏng hoặc vải màn gạn vắt bỏ bã, để lắng đọng sau một thời gian thì lọc lấy phần trong. Lặp lại quá trình trên, chiết lần 2 với 2 lít nước. Kết thúc lần 2 thu được 1 lít dịch chiết.

**c. Giai đoạn 3: Cô đặc thành cao**

Khi cô cạn phải chú ý cô ở nhiệt độ thấp, thời gian cô từ 3-4 giờ. Cao thu được gồm cao đặc và cao mềm tùy từng loại thảo dược.

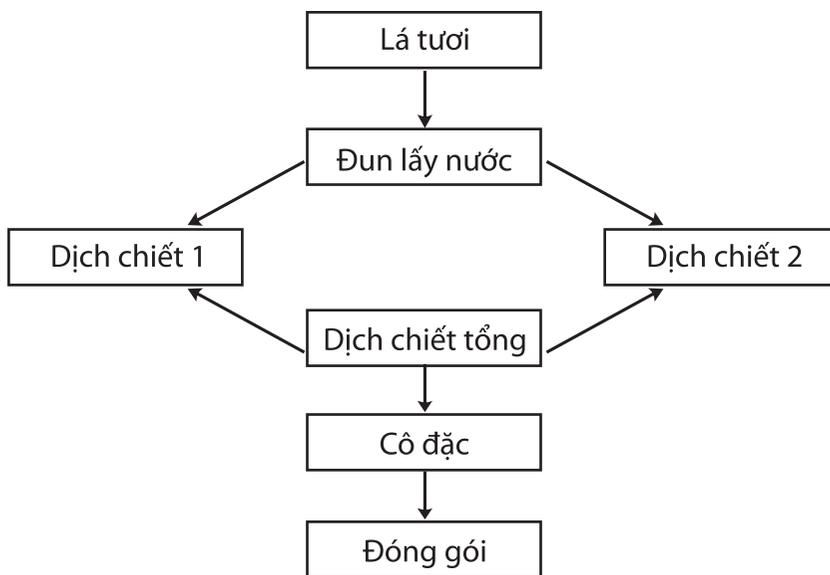
**3. Kết quả**

Với 1kg nguyên liệu mỗi loại và 4 lít nước, chiết ở nhiệt độ sôi 100°C, áp suất thường. Đem cô đặc thu được 10-15% nước. Qua quá trình nấu từ khoảng 8-10 giờ thu được 1 lạng cao ở thể dẻo, đặc quánh, sờ không dính tay. Bảo quản kín khí, hạn chế oxi, phòng tránh oxi hóa (hình 5).

**4. Thảo luận**

Trong nghiên cứu này nhóm nghiên cứu đã đề xuất quy trình nấu cao từ một số loại thảo

Hình 4: Sơ đồ nấu cao thảo dược



được như: cây nở ngày đất, cây lá lốt, cây lá vối, ngoài ra các loại cao này còn có rất nhiều tác dụng tốt như điều trị bệnh tiểu đường, giảm mỡ máu, trị các bệnh về đường ruột (lá lốt, lá vối),... Quy trình nấu một số loại cao này đơn giản dễ làm nên mọi người có thể áp dụng vào cuộc sống thường ngày nhằm bảo vệ sức khỏe một cách tốt nhất.

Nghiên cứu này chưa phân tích để tìm ra các hợp chất có trong sản phẩm để từ đó tìm ra được quy trình sản xuất loại bỏ các tạp chất có trong sản phẩm. Những hạn chế này sẽ được thực hiện trong các nghiên cứu tiếp theo ■



**Hình 5: Các loại cao thảo dược**

### Tài liệu tham khảo:

1. Nuki, G., & Simkin, P. A. (2006). A concise history of gout and hyperuricemia and their treatment. *Arthritis Research & Therapy*, 8(1), S1.
2. Rousseau, G. S., & Porter, R. (1998). Gout: The Patrician Malady.
3. Doherty, M. (2009). New insights into the epidemiology of gout. *Rheumatology (Oxford)*, 48(2), ii2-8.
4. Roddy, E. (2011). Gout: presentation and management in primary care. *Hands on-reports on the rheumatic diseases (ARUK)*, 6.
5. Crittenden, D. B., & Pillinger, M. H. (2011). The Year in Gout. *Bulletin of the NYU hospital for joint diseases*, 69(3), 257-63.
6. Dubchak, N., & Falasca, G. F. (2010). New and improved strategies for the treatment of gout. *International journal of nephrology and renovascular disease*, 3, 145-166.
7. Neogi, T. (2011). Gout. *New England Journal of Medicine*, 364(5), 443-452.
8. Smith, E. U. R., Diaz-Torne, C., Perez-Ruiz, F., & March, L. M. (2010). Epidemiology of gout: an update. *Best Practice & Research Clinical Rheumatology*, 24(6), 811-827.
9. Teng, G. G., Nair, R., & Saag, K. G. (2006). Pathophysiology, clinical presentation and treatment of gout. *Drugs*, 66(12), 1547-1563.
10. Underwood, M. (2006). Diagnosis and management of gout. *BMJ: British Medical Journal*, 332(7553), 1315.
11. Culpeper, N. (1995). *Culpeper's complete herbal: a book of natural remedies for ancient ills*. Wordsworth Editions.
12. Cowper, A. (2009). Materia Medica of Western Herbs. *Australian Journal of Medical Herbalism*, 21(4), 118-119.
13. Watkins, F., Pendry, B., Corcoran, O., & Sanchez-Medina, A. (2011). Anglo-Saxon pharmacopoeia revisited: a potential treasure in drug discovery. *Drug discovery today*, 16(23), 1069-1075.
14. Oladele, G. M., Abatan, M. O., Olukunle, J. O., & Okediran, B. S. (2009). Anti-inflammatory and analgesic effects of aqueous leaf extracts of *Gomphrena celosioides* and *Momordica charantia*. *ASSET: An International Journal (Series B)*, 8(2), 1-8.
15. Nguyen, M. T. T., Awale, S., Tezuka, Y., Le Tran, Q., Watanabe, H., & Kadota, S. (2004). Xanthine oxidase inhibitory activity of Vietnamese medicinal plants. *Biological and Pharmaceutical Bulletin*, 27(9), 1414-1421.
16. Mai, T. T., & Chuyen, N. V. (2007). Anti-hyperglycemic activity of an aqueous extract from flower buds of *Cleistocalyx operculatus* (Roxb.) Merr and Perry. *Bioscience, biotechnology, and biochemistry*, 71(1), 69-76.
17. Mai, T. T., & Chuyen, N. V. (2007). Anti-hyperglycemic activity of an aqueous extract from flower buds of *Cleistocalyx operculatus* (Roxb.) Merr and Perry. *Bioscience, biotechnology, and biochemistry*, 71(1), 69-76.